

TÍNH KẾ THỪA VÀ PHÁT TRIỂN KHUYNH HƯỚNG DUY VẬT TRONG TRIẾT HỌC CỦA TUÂN TỬ

★ PGS, TS VÕ VĂN DŨNG

Trường Đại học Khánh Hòa

● **Tóm tắt:** Bài viết làm rõ tính kế thừa và phát triển tư tưởng triết học Khổng Tử của Tuân Tử, thông qua việc nhận thức về con người, trời và xã hội để từ đó xác lập vai trò riêng biệt của ông trong hệ thống triết học phương Đông cổ đại. Với giả thuyết đặt ra, liệu khuynh hướng duy vật trong triết học của Tuân Tử có tạo nên sự đa dạng của tư tưởng Nho giáo hay không? Triết học Tuân Tử mang ý nghĩa thực tiễn sâu sắc khi tái khẳng định vai trò chủ động của con người trong giáo dục, chính trị và tổ chức xã hội.

● **Từ khóa:** Duy vật; triết học; Tuân Tử.

● **Ngày nhận:** 22/7/2025; **Ngày thẩm định:** 20/8/2025; **Ngày duyệt đăng:** 12/9/2025.

1. Mở đầu

Trung Quốc thời kỳ cổ đại đã xuất hiện nhiều nhà triết học kiệt xuất với nhiều học phái khác nhau. Một trong những học phái đặc sắc thời kỳ này là Nho gia mà đại diện tiêu biểu là Khổng Tử, Mạnh Tử và Tuân Tử. Tuân Tử (310-238 TCN) được xem là người có quan điểm duy vật triệt để nhất trong học phái Nho gia thời kỳ Tiên Tần. Tư tưởng của ông ra đời trong một giai đoạn khoa học tự nhiên chưa phát triển, “thế giới quan thần quyền chi phối xã hội một cách sâu sắc”¹. Tuy nhiên, Tuân Tử đã phê phán tư tưởng duy tâm, mê tín, từ đó xây dựng hệ thống triết học mang khuynh hướng duy vật mạnh mẽ nhất trong Nho giáo. Ông khẳng định, con người có thể cải biến vận mệnh bằng lý trí và hành động, chứ không phụ thuộc vào quỷ thần.

Vì thế, thiên mệnh không quyết định vận mệnh con người, mà chính con người với các hoạt động thực tiễn của mình mới tạo ra thay đổi. Ông không thừa nhận bản tính con người vốn “thiện” như Mạnh Tử mà ngược lại, ông đề xuất “tính ác luận” và nhấn mạnh rằng con người cần phải giáo dục. Việc giáo dục này bao hàm cả khuyến khích và ép buộc để có thể cải hóa bản tính ác trở thành thiện của con người². Ông cho rằng, để duy trì trật tự xã hội, không chỉ cần đạo đức mà còn cần pháp luật. Quan điểm này đã ảnh hưởng sâu sắc đến học phái Pháp gia, đặc biệt là Hàn Phi Tử và tư tưởng chính trị của nhà Tần. Mặc dù Tuân Tử vẫn đề cao nhân, nghĩa, lễ, chính danh và giáo dục của Khổng Mạnh, nhưng ông cũng phê phán một số khía cạnh duy tâm trong tư tưởng Nho học. Quá

trình kế thừa có phê phán cũng là quá trình phát triển theo khuynh hướng duy vật trong triết học của Tuân Tử.

2. Nội dung

2.1. Tính kế thừa trong triết học của Tuân Tử

Mặc dù đứng trên quan điểm “tính ác luận” và khuynh hướng duy vật sơ khai khi lý giải về tự nhiên, xã hội và tư duy nhưng ông vẫn trung thành với hệ thống giá trị cốt lõi của Nho gia do Khổng Tử sáng lập. Trong đó, bốn trụ cột chính bao gồm nhân, lễ, nghĩa, chính danh. Bốn trụ cột này đã được ông duy trì và phát triển, nhưng với nội dung được lý giải theo khuynh hướng vô thần.

Mục tiêu của nhân là làm cho con người dần trở thành người hơn để tách ra khỏi tính loài vốn có. Trong quan điểm của Khổng Tử, nhân là lòng thương người, bao dung và vị tha. Kế thừa quan điểm này của Khổng Tử và phát triển lên tầm cao mới, trong quan điểm của Tuân Tử, nhân chính là làm cho con người phải tự ý thức để rèn luyện bản thân thông qua các hành động cụ thể. Ông cho rằng, con người cần phải rèn luyện đạo đức, thực hành lễ nghĩa và có nghĩa vụ đối với xã hội.

Lễ được Khổng Tử đề cao và xem đó là công cụ để tổ chức xã hội. Ông xem “lễ” là chuẩn mực hành vi thể hiện trật tự, kính trên nhường dưới và là phương tiện giáo hóa con người. Ông nhấn mạnh “lễ” không chỉ là nghi thức, mà còn là biểu hiện của lòng kính và sự đúng mực³. Kế thừa quan điểm này của Khổng Tử, Tuân Tử phát triển nó thành một công cụ quản lý xã hội mang tính chế định rõ ràng. Theo ông, lễ là hệ thống quy tắc ứng xử giúp phân biệt đẳng cấp, trách nhiệm, điều hòa mối quan hệ giữa người với người. Lễ không chỉ giáo hóa mà còn chế ước, từ đó tạo nên một xã hội ổn định và có kỷ cương.

Khổng Tử và Tuân Tử đều xem “nghĩa” là nguyên tắc đạo lý quan trọng nhằm điều chỉnh hành vi của con người theo đúng lẽ phải. Tuy nhiên, cách tiếp cận của hai nhà tư tưởng này có sự khác biệt đáng chú ý. Nếu như Khổng Tử nhấn mạnh “nghĩa” như một giá trị mang tính nội tâm, có khả năng cảm hóa con người thông qua sự tu dưỡng đạo đức cá nhân thì Tuân Tử lại nhìn nhận “nghĩa” từ góc độ thực tiễn. Ông gắn nó với hệ thống pháp luật và lễ nghi. Coi “nghĩa” là nền tảng để xây dựng và duy trì một trật tự xã hội ổn định, hợp lý và hiệu quả. Theo đó, “nghĩa” không chỉ dừng lại ở lý tưởng luân lý trừu tượng mà phải được thể chế hóa thành quy phạm cụ thể để điều chỉnh hành vi một cách thiết thực.

Để trở thành con người lý tính thì Khổng Tử và Tuân Tử đều đề cao việc học. Tuy nhiên cách tiếp cận việc học của hai ông lại không giống nhau. Với Khổng Tử, học là một quá trình tu dưỡng đạo đức và trau dồi trí tuệ suốt đời, thể hiện qua tinh thần “học không biết chán”. Ông xem học là một trong những phương tiện quan trọng để con người tự hoàn thiện mình. Trong khi đó, Tuân Tử cũng đặc biệt coi trọng học, nhưng việc học là để khắc chế “tính ác” vốn có của con người. Theo ông, bản tính con người vốn thiên về vị kỷ và dục vọng. Để khắc chế tình trạng này cần phải học tập có định hướng, phải có người thầy giỏi về pháp luật và lễ nghi hướng dẫn thì con người mới có thể cải thiện bản thân và trở nên thiện. Với Tuân Tử, “học” không chỉ là một phẩm chất đạo đức đáng quý, mà còn là một yêu cầu tất yếu để con người tự chuyên hóa và thích nghi. Rõ ràng, Tuân Tử không tách rời khỏi nền tảng tư tưởng Khổng học, mà ngược lại, giữ vững và củng cố hệ giá trị lõi của Nho gia theo hướng lý tính hóa và thực tiễn hóa. Sự kế thừa này vừa thể hiện lòng

trung thành với truyền thống, vừa là bước chuyển đổi quan trọng giúp Nho học thích ứng với thực tiễn xã hội thời Chiến Quốc, đồng thời mở đường cho sự tiếp thu của học phái Pháp gia về sau.

2.2. Sự phát triển khuynh hướng duy vật trong triết học của Tuân Tử

Một trong số những điểm nổi bật trong tư tưởng của Tuân Tử là học thuyết về tính ác. Theo ông, bản tính tự nhiên của con người là vị kỷ, thiên về dục vọng, nên phải có giáo dục để kiểm soát nó, nếu không thì xã hội sẽ rơi vào hỗn loạn. Mặc dù Tuân Tử cho rằng, bản tính con người vốn ác nhưng ông không bi quan về con người mà ngược lại, ông tin tưởng rằng con người có thể cải biến bản thân nhờ giáo dục, lễ nghi và pháp luật.

Khổng Tử không khẳng định con người là thiện hay ác nhưng ông tin rằng, con người có thể được giáo hóa. Tuân Tử phát triển quan niệm này một cách hệ thống và quyết đoán hơn. Ông đã cụ thể hóa quá trình hình thành đạo đức và cho rằng, tính thiện không phải là bản chất của tự nhiên, mà là sản phẩm xã hội. Nó là kết quả của việc giáo dục. Rõ ràng học thuyết tính ác của Tuân Tử không phải là để phê phán con người mà là để giải quyết vấn đề con người. Quan điểm này của ông đặt nền móng cho tư tưởng hành động cải tạo xã hội bằng lý trí, chứ không trông đợi vào thiên mệnh. Nó cũng là tư tưởng có tầm ảnh hưởng sâu sắc đến học phái Pháp gia mà đặc biệt là Hàn Phi Tử, trong việc chủ trương xây dựng nhà nước dựa trên pháp trị thay vì đức trị đơn thuần.

Trong quan điểm về thiên mệnh, Khổng Tử đề cao vai trò của Trời thông qua việc giáo dục đạo đức thì Tuân Tử xem “trời là tự nhiên”⁴. Trời chính là một quy luật của tự nhiên, không vì người này mà ghét bỏ người kia. Trời vận

hành theo quy luật khách quan, không thiên vị người tốt hay xấu. “Đạo trời là đạo trời, đạo người là đạo người”⁵, vì thế con người không thể cầu khẩn để thay đổi trời, mà cần hiểu và thuận theo quy luật của tự nhiên để sinh tồn, phát triển. Quan niệm này của Tuân Tử đã thể hiện một bước tiến rất lớn trong lịch sử tư tưởng Trung Hoa.

Ông coi thiên, địa và vạn vật là một chỉnh thể, vận hành theo nguyên lý khách quan, không phụ thuộc vào ý chí thần linh. Đối với ông, tự nhiên là một quy luật khách quan. Nó không có mục đích đạo đức, cũng không thưởng người hiền hay phạt kẻ ác. Những hiện tượng tự nhiên như nắng, mưa, sấm chớp, bão, lụt, v.v.. là kết quả của quá trình vận động của quy luật chứ không phải là sự biểu hiện ý chí của “ý trời”. Quan điểm này đặt nền móng cho một thế giới quan duy vật sơ khai, trong đó thế giới tồn tại khách quan, nó có thể nhận thức được bằng lý trí con người và có thể cải biến được thông qua hành động. Tuân Tử viết trong “Thiên luận” rằng: Con người quý ở chỗ biết thuận theo Trời, chứ không phải vì Trời mà bỏ mình. Quan điểm này thể hiện tinh thần chủ động, tích cực, gạt bỏ tính lệ thuộc vào mệnh Trời vốn phổ biến trong tư tưởng của Nho giáo trước đó.

Nếu như Khổng Tử đưa ra quan điểm về thiên mệnh và xem đó là một giá trị đạo lý tối cao. Ông hướng con người đến sống thiện và hành xử đúng mực thì Tuân Tử đã tiến thêm một bước, khi hoàn toàn loại bỏ yếu tố siêu hình của Trời. Ông đã đưa “Trời” về trở thành yếu tố tự nhiên, khách quan và có quy luật. Đây là biểu hiện rõ nét nhất của tư tưởng duy vật trong triết học Tuân Tử nói riêng và Nho giáo nói chung. Quan điểm về Trời trong “Thiên luận” của Tuân Tử đã thể hiện tư duy khoa học về giới tự nhiên. Quan điểm này góp phần xóa bỏ sự lệ

thuộc mù quáng vào thần quyền, cố vũ cho vai trò chủ thể của con người trong việc hiểu và làm chủ thế giới.

Trong tư tưởng của mình, Tuân Tử luôn đề cao vai trò của con người trong việc cải tạo thế giới. Ông xem con người là chủ thể trung tâm trong quá trình xây dựng và cải biến xã hội. Gạt bỏ yếu tố siêu tự nhiên chi phối con người và khẳng định chính ý chí, hành động của con người mới là yếu tố quyết định vận mệnh của họ. Trên nền tảng của thuyết “tính ác”, Tuân Tử không nhìn con người bằng con mắt bi quan, mà ngược lại, ông tin vào khả năng chuyển hóa của con người như: sự chuyển hóa từ bản năng sang đạo đức, từ cá nhân vị kỷ sang con người cộng đồng. Sự chuyển hóa này không phải là sự sắp đặt theo ý chí của trời mà là sự nỗ lực của cá nhân thông qua học tập và tu dưỡng. Tuân Tử xem hoạt động thực tiễn giữ vai trò then chốt trong việc cải hóa con người cá nhân và con người xã hội. Bên cạnh đó, “lễ” không chỉ là hình thức văn hóa, mà là thiết chế điều chỉnh hành vi, góp phần xây dựng trật tự bền vững. Tư tưởng của ông mang đậm tính quy phạm và thực tiễn. Nếu Khổng Tử thiên về việc thức tỉnh đạo lý bên trong con người qua giáo dục và gương mẫu cá nhân, thì Tuân Tử nhấn mạnh đến việc thiết lập hệ thống chế ước bên ngoài, bao gồm giáo dục, luật pháp, lễ nghi. Ông xem đây là một trong những cơ chế vận hành xã hội ổn định và hiệu quả.

2.3. Đánh giá tính kế thừa và phát triển khuyh hướng duy vật trong triết học của Tuân Tử

Tư tưởng triết học của Tuân Tử đánh dấu một bước phát triển quan trọng trong lịch sử Nho học. Ông đã phát triển hệ thống tư tưởng đạo đức của Khổng Tử theo hướng duy vật, gắn chặt với đời sống chính trị - xã hội. Không chỉ

dừng lại ở sự kế thừa các giá trị cốt lõi như nhân, lễ, nghĩa, chính danh mà còn ứng dụng chúng để cải tạo thực tiễn. Ông là một trong số những nhà tư tưởng Nho gia sớm nhất phủ nhận sự chi phối của các lực lượng siêu nhiên như “thiên mệnh” hay “quỷ thần”. Ông nhìn nhận thế giới và xã hội con người qua lăng kính của quy luật tự nhiên và lý trí thực tiễn. Với ông, “Trời” không phải là một thế lực linh thiêng định đoạt vận mệnh, mà chỉ là biểu tượng cho thiên nhiên khách quan, vận động theo quy luật cố định, không thiên vị người thiện hoặc người bất thiện. Quan điểm này thể hiện rõ nét của khuyh hướng duy vật trong tư duy của Tuân Tử. Qua đó, ông khẳng định vai trò trung tâm của con người và tri thức trong việc nhận thức, cải tạo tự nhiên và xã hội.

Tuân Tử đặc biệt đề cao tri thức được hình thành thông qua quá trình học tập, trải nghiệm và hành động thực tiễn, thay vì dựa vào trực giác, mặc khải hay tín ngưỡng. Theo ông, “học” không chỉ là phương tiện quan trọng mà còn là con đường duy nhất để con người cải hóa bản tính vốn thiên về dục vọng và hướng tới việc thiết lập một xã hội có trật tự. Trong hệ thống tư tưởng của Tuân Tử, đạo đức không phải là những phạm trù siêu hình hay tuyệt đối sẵn có, mà là sản phẩm của quá trình giáo dục, rèn luyện và quản lý có tổ chức. Cách tiếp cận này thể hiện rõ đặc điểm duy lý và thực chứng trong triết học Tuân Tử. Nó là một lối tư duy nhấn mạnh vai trò của lý trí, quan sát và suy luận trên cơ sở kinh nghiệm cụ thể. Đây cũng chính là nét nổi bật làm nên tính chất tiến bộ và hiện thực trong tư tưởng của ông, góp phần tạo nên một trong những tiếng nói lý luận mạnh mẽ và khác biệt của triết học Tiên Tần.

Một trong những đặc điểm nổi bật nhất trong tư tưởng của Tuân Tử là xu hướng chính trị hóa

triết học Nho giáo một cách rõ nét. Khác với Khổng Tử chủ yếu nhấn mạnh việc giáo hóa cá nhân thông qua tu thân và lễ nghi, Tuân Tử mở rộng tư tưởng đó thành một hệ thống tổ chức xã hội toàn diện, dựa trên nền tảng của cả lễ trị và pháp trị. Lễ trị được Tuân Tử phát triển thành một thiết chế điều phối xã hội, có chức năng quy định rõ ràng vai trò, địa vị và hành vi ứng xử của từng tầng lớp trong xã hội. Ông không xem lễ chỉ là chuẩn mực đạo đức cá nhân, mà còn là công cụ định hình cơ cấu xã hội và bảo đảm sự ổn định lâu dài của quốc gia. Tuân Tử không bài xích pháp trị, mà ngược lại, ông tích hợp pháp trị như một phương tiện hỗ trợ cần thiết, đặc biệt trong việc xử lý những đối tượng không thể cảm hóa bằng giáo dục hay đạo lý. Pháp luật theo Tuân Tử không đối lập với đạo đức, mà là yếu tố cần thiết để củng cố hiệu quả quản lý và duy trì trật tự xã hội. Việc kết hợp chặt chẽ giữa giáo dục, lễ nghi và pháp luật đã kiến tạo một nền tảng lý luận vững chắc cho mô hình quản lý nhà nước có tính tổ chức cao và thực tiễn sâu sắc. Chính sự kết hợp độc đáo này đã đánh dấu một bước chuyển quan trọng trong quá trình phát triển tư tưởng Nho giáo, đồng thời đặt nền móng cho sự tiếp nối và phát triển của Pháp gia, mà đặc biệt là ở học thuyết của Hàn Phi Tử.

Sự phát triển tư tưởng của Tuân Tử theo hướng duy vật không chỉ tạo ra sự khác biệt rõ nét so với các nhà Nho đương thời mà còn góp phần đưa triết học Nho gia thoát khỏi tính trừu tượng luân lý để trở thành một hệ tư tưởng có khả năng vận hành trong thực tiễn đời sống và quản lý xã hội. Tư tưởng triết học của Tuân Tử được đánh giá là bước chuyển mình quan trọng của Nho học từ hệ thống đạo đức sang hệ thống chính trị - xã hội nhằm góp phần làm phong phú và đa dạng hóa nội dung của triết học Trung Hoa cổ đại. Tư tưởng của Tuân Tử, với những

phát triển đặc biệt về lý luận và phương pháp, đã góp phần làm sáng tỏ tính đa dạng nội tại trong hệ thống triết học Nho giáo. Thay vì nhìn Nho học như một dòng chảy đồng nhất, mang tính đạo đức lý tưởng thuần túy, tư tưởng của Tuân Tử cho thấy sự tồn tại song hành giữa các khuynh hướng khác nhau, từ lý tưởng hóa đến hiện thực hóa, từ trực giác đến lý tính, từ đức trị đến pháp trị.

Học thuyết “tính ác” của ông đã định hình nên một hướng đi mang tính duy vật biện chứng sơ khai trong lòng Nho học. Đây là bằng chứng rõ ràng về khả năng phát triển nội tại, biến hóa mềm dẻo của Nho giáo theo yêu cầu của thực tiễn của lịch sử. Có thể khẳng định rằng, trong triết học phương Đông cổ đại, bên cạnh các khuynh hướng duy tâm, đã tồn tại một dòng tư tưởng duy vật biện chứng, trong đó Tuân Tử là một đại diện tiêu biểu. Tư tưởng của ông góp phần mở rộng tư duy Đông phương khi khẳng định con người không chỉ là đối tượng giáo hóa, mà còn là chủ thể tích cực trong việc nhận thức và cải tạo thế giới. Sự hiện diện của khuynh hướng duy vật trong Nho học, được thể hiện rõ nhất qua Tuân Tử, đã đặt nền tảng cho tư tưởng biện chứng sơ khai, góp phần làm phong phú thêm kho tàng triết học cổ đại, đồng thời tạo điều kiện cho học phái Pháp gia tiếp thu và phát triển.

Tư tưởng của Tuân Tử không chỉ có giá trị về mặt lý luận mà còn mang ý nghĩa thực tiễn sâu sắc. Nó được thể hiện rõ nét trong việc nhận diện lại vai trò chủ động của con người trong các lĩnh vực như giáo dục, chính trị và tổ chức xã hội. Khi khẳng định con người vốn có bản tính vị kỷ, nhưng hoàn toàn có thể cải hóa thông qua học tập, rèn luyện và tuân thủ lễ, pháp. Tuân Tử đã đặt con người vào vị trí trung tâm của quá trình xây dựng và vận hành xã hội. Trong lĩnh vực giáo dục, tư tưởng của ông khẳng định,

giáo dục không phải là đặc ân dành cho một nhóm người, mà là nhu cầu bắt buộc đối với mọi cá nhân để trở thành người có ích. Quan điểm này phù hợp với tinh thần giáo dục hiện đại, coi giáo dục là phương tiện cải tạo con người và phát triển xã hội một cách toàn diện.

Tuân Tử là người đầu tiên của học phái Nho học hệ thống hóa quan điểm khi kết hợp đức trị với pháp trị. Ông cho rằng, việc quản lý nhà nước không chỉ dựa vào đạo đức cá nhân, mà cần phải có thiết chế, lễ nghi, luật pháp làm nền tảng. Đây chính là tiền đề tư tưởng cho các mô hình nhà nước pháp quyền hiện đại, trong đó pháp luật và giáo dục công dân là hai trụ cột căn bản. Tư tưởng triết học của Tuân Tử thể hiện tính cải cách từ bên trong của Nho giáo khi ông nhấn mạnh đến tính ứng dụng của lý thuyết nhằm cải tạo xã hội.

3. Kết luận

Tư tưởng triết học của Tuân Tử đánh dấu một bước phát triển quan trọng trong lịch sử Nho học, khi ông phát triển hệ thống đạo đức Khổng Tử theo hướng duy vật và gắn chặt với thực tiễn chính trị - xã hội. Không chỉ kế thừa các giá trị cốt lõi như nhân, lễ, nghĩa, Tuân Tử còn vận dụng chúng để cải tạo xã hội hiện thực. Ông là một trong những nhà tư tưởng Nho gia đầu tiên phủ nhận tư tưởng “thiên mệnh” và các lực

lượng siêu nhiên, thay vào đó nhìn nhận thế giới qua lăng kính quy luật tự nhiên và lý trí. Ông cho rằng, con người có được tri thức thông qua việc học tập và rèn luyện. Nét nổi bật trong tư tưởng của ông là xu hướng chính trị hóa triết học Nho giáo thông qua việc kết hợp lễ trị với pháp trị. Tuân Tử mở rộng vai trò của lễ từ chuẩn mực đạo đức cá nhân thành thiết chế điều phối xã hội, quy định vị trí và hành vi của các tầng lớp.

Tư tưởng của Tuân Tử tạo nên sự khác biệt rõ nét so với Khổng Tử và Mạnh Tử khi ông đưa Nho học thoát khỏi tính chất luân lý trừu tượng, trở thành một hệ tư tưởng có khả năng vận hành trong đời sống thực tiễn. Học thuyết “tính ác luận” của ông là bước khởi đầu cho một khuynh hướng duy vật biện chứng sơ khai của Nho giáo, chứng minh khả năng thích ứng và phát triển nội tại của tư tưởng Nho học trước yêu cầu của lịch sử. Triết học Tuân Tử mang ý nghĩa thực tiễn sâu sắc khi tái khẳng định vai trò chủ động của con người trong giáo dục, chính trị và tổ chức xã hội. Ông đặt con người vào vị trí trung tâm của xã hội. Ông nhấn mạnh, giáo dục không phải là đặc quyền, mà là nhu cầu bắt buộc để làm cho con người tách khỏi bản tính tự nhiên. Ông cũng là người đầu tiên hệ thống hóa mô hình quản lý nhà nước kết hợp giữa đức trị và pháp trị ❖

¹ Gu, F: *Taming Human Nature: A Comparative Study of the Political Philosophies of Xunzi and Thomas Hobbes*, 2022, tr.1.

² Dong Jin Kim: *Transforming Evil in Human Nature: A Comparison of Reinhold Niebuhr and Xunzi* (Doctoral dissertation), 2010, tr.54.

³ Xem Khổng Tử (Nguyễn Tôn Nhan (biên dịch và chú giải)): *Kinh lễ*, Nxb Văn học, Hà Nội, 1999, tr.37.

^{4,5} Gián Chi và Nguyễn Hiến Lê: *Tuân Tử*, Nxb Văn hóa, Hà Nội, 1994, tr.19; 19.